

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 10 tháng 10, 2025

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading



- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	SCS	09/10/2025	58.1	1.179.800	283.477	4.16
2	VRE	09/10/2025	38	25.692.700	7.452.887	3.45
3	IDC	09/10/2025	38.9	4.999.200	1.673.857	2.99
4	VHM	09/10/2025	115	12.892.200	4.947.434	2.61
5	PET	09/10/2025	33.5	4.248.000	1.643.810	2.58
6	VPL	09/10/2025	87.2	1.278.800	554.833	2.3
7	BSR	09/10/2025	28.45	21.019.000	9.502.487	2.21
8	GEX	09/10/2025	55.5	19.735.000	8.940.477	2.21
9	CTG	09/10/2025	55	21.543.800	9.779.983	2.2
10	SHB	09/10/2025	17.09	189.712.896	95.139.752	1.99
11	DDV	09/10/2025	32.4	1.571.500	818.787	1.92
12	HAG	09/10/2025	17.1	22.552.300	12.318.673	1.83
13	TPB	09/10/2025	20	42.825.400	23.626.554	1.81
14	FRT	09/10/2025	137.3	934.400	539.967	1.73
15	SGR	09/10/2025	21.8	1.040.800	605.170	1.72
16	VGC	09/10/2025	53.6	1.817.400	1.063.187	1.71
17	GVR	09/10/2025	28	3.675.400	2.307.597	1.59
18	NDN	09/10/2025	13.5	934.300	585.807	1.59
19	NLG	09/10/2025	39.1	4.710.700	3.099.903	1.52
20	DPG	09/10/2025	48	2.726.000	1.819.847	1.5
21	DTD	09/10/2025	22.4	1.124.000	753.380	1.49
22	LPB	09/10/2025	51.2	4.284.400	2.895.413	1.48
23	VIC	09/10/2025	179.5	4.131.300	2.910.407	1.42
24	MBB	09/10/2025	27.35	38.667.700	29.673.900	1.3
25	PVS	09/10/2025	33.4	4.461.600	3.690.733	1.21
26	OIL	09/10/2025	11.3	1488600	1231897	1.21
27	SBT	09/10/2025	25	1256600	1059873	1.19
28	VFS	09/10/2025	18.5	3069200	2642220	1.16



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200	MACD Hist W	MACD Hist M
1	AAA	09/10/2025	8.22	2.686.760	50.38	7.83	05.04	0.06	0.06
2	ASM	09/10/2025	7.52	2.009.210	42.57	7.16	05.06	0.07	0.03
3	BID	09/10/2025	40.8	2.954.960	51.14	38.64	5.59	0.14	-0.15
4	BMI	09/10/2025	22.4	579.810	56.09	20.93	7	0.11	0.19
5	CSM	09/10/2025	14.45	767.320	43.7	13.91	3.87	0.07	0.21
6	CTD	09/10/2025	86	1.069.220	63.9	80.67	6.61	0.13	0.09
7	DBC	09/10/2025	27.8	4.158.770	49.94	26.09	6.55	-0.34	0.11
8	LSS	09/10/2025	10.35	623.390	56.28	10.1	2.47	0.1	-0.13
9	MST	09/10/2025	6.2	3.736.530	60.67	5.84	6.18	0.01	0.11
10	NTL	09/10/2025	18.8	1.001.300	49.05	17.77	5.77	-0.15	-0.27
11	PVD	09/10/2025	21.85	3.745.190	50.57	21.08	3.67	0.2	-0.45
12	VC3	09/10/2025	27.6	734.780	44.58	26.09	5.8	0.01	0.13
13	VCB	09/10/2025	63.8	4.590.850	52.32	60.83	4.88	0.12	-0.15
14	VNM	09/10/2025	62.9	3.955.830	55.41	58.96	6.68	0.36	0.35
15	VPI	09/10/2025	57.9	1.946.620	58.27	55.44	4.44	0.44	-0.52

Đỉnh và đáy là mức kháng cự và hỗ trợ quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	ABB	12.7	13	2.604.400
2	ANV	32.7	33.5	3970960
3	ATG	8.6	9.7	299.470
4	BAF	35.4	36	2.414.840
5	GEE	134.4	134.4	1066070
6	HHP	10.7	10.9	314.580
7	HHS	19.7	19.7	7.906.750
8	MSB	13.7	14.05	8.516.900
9	MSR	25.2	26.3	2.067.900
10	MWG	81.5	81.9	7.908.100
11	SBT	25	25.25	939.390
12	STB	60	61	9.438.430
13	TVC	11.9	12.2	682.720
14	VHM	115	115	6.342.490
15	VRE	38	38.8	12.725.290

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	VEA	40.1	40.1	321.840

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	ADP	25	24.81	16.660
2	AVG	14.8	14.6	175.810
3	CRC	9.36	9.3	396.200
4	HAX	12.05	11.95	551.540
5	HVT	29.8	28.7	19.820
6	RYG	10.65	10.6	78.240
7	SCS	58.1	58	343.270
8	SGN	64.3	64.1	18.520
9	SLS	172	171.3	16.430

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	AVG	14.8	14.6	175.810
2	BIG	4.8	4.8	28.240
3	DDG	2.2	2.2	380.590
4	HAX	12.5	11.76	551.540
5	VAB	11.5	11.35	843.890



Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

Cắt lên đường trung bình MA50

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	DDV	32.4	31.86	865.660
2	EVF	14.15	13.94	10.160.820
3	HDC	36.5	35.58	4072260
4	PDR	23.3	23.24	16.104.090
5	PET	33.5	33.02	1.352.550
6	PVD	21.85	21.8	3.745.190

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	BID	40.8	40.7	2.954.960
2	BSR	28.45	26.99	7.209.890
3	CEO	25.9	25.7	17733250
4	DBC	27.8	27.73	4.158.770
5	DDV	32.4	31.59	865.660
7	HHV	15.6	15.57	14818580
8	MSN	83.1	83.07	6203300
9	SHB	17.9	17.39	90656888
10	VDS	22.3	22.18	2385750
11	VGS	30.7	30.51	788250
12	VIB	20.4	20.28	8942290

Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	YEG	13.9	13.91	2.347.290

Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	VCI	43	43.25	7.431.760

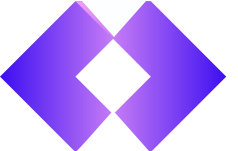
Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	CTI	25.75	25.76	827.860
2	HCM	27.25	27.41	8.665.820
3	QCG	14.1	14.21	1417760
4	TDH	4.8	4.89	1.080.930
5	VHG	2.3	2.35	517.870
6	VND	23.5	23.64	24.973.180



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	NAB	09/10/2025	15.05	14.65	15.5	5.8	1.633.300
2	OCB	09/10/2025	13.1	12.55	13.3	6	3.853.900
3	SSB	09/10/2025	19.1	19	20.15	6.1	2.551.480
4	QTP	09/10/2025	13.1	13	13.9	6.9	224.680
5	VEA	09/10/2025	40.1	37.9	40.6	7.1	309.420
6	BAF	09/10/2025	35.4	33.55	36	7.3	2.354.500
7	VTZ	09/10/2025	18.3	18	19.4	7.8	1.294.240
8	MSB	09/10/2025	13.7	13	14.5	8.1	9.853.800
9	VAB	09/10/2025	11.5	11.35	12.3	8.4	1.224.440
10	ABB	09/10/2025	12.7	11.9	13	9.2	2.721.100
11	SJD	09/10/2025	14.25	13.5	14.76	9.3	115.920
12	PPT	09/10/2025	13.8	13.2	14.5	9.8	223.920
13	PNJ	09/10/2025	85	80.98	89.05	10	284.340
14	AVG	09/10/2025	14.8	14.6	16.1	10.3	215.500
15	SAB	09/10/2025	45.6	45.15	50	10.7	617.160
16	TTA	09/10/2025	12.4	12.1	13.4	10.7	189.400
17	PPC	09/10/2025	10.65	10.6	11.75	10.8	232.480
18	PVT	09/10/2025	18.05	17.65	19.6	11	2.453.320
19	REE	09/10/2025	64.6	63.9	71.2	11.4	307.680
20	GAS	09/10/2025	60.9	60	67.35	12.2	387.160
21	VC3	09/10/2025	27.6	25.74	29.1	13.1	673600
22	VNM	09/10/2025	62.9	58.5	66.2	13.2	4196540
23	PCH	09/10/2025	20	19.5	22.1	13.3	150280
24	SKG	09/10/2025	10.85	10.45	11.9	13.9	101600
25	BCM	09/10/2025	66.3	64	73	14.1	158660
26	VIP	09/10/2025	13.45	12.65	14.45	14.2	190220
27	VGT	09/10/2025	12.1	11.9	13.6	14.3	488480



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

- CANH MUA** Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CHỜ MUA** Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- TRUNG LẬP** Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CANH BÁN** Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 1, 1A, 2-389 Đê La Thành, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường
Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông
Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá
Điện thoại: 0237 3515 009